



zài zào
再造

verb · to rebuild; to recreate

Example Sentences

Tā men jì huà zài zào yī zuò qiáo

他们计划再造一座桥。

They plan to rebuild a bridge.

Zhè zhǒng jì shù kě yǐ zài zào rén tǐ zǔ zhī

这种技术可以再造人体组织。

This technology can recreate human tissue.

Trace each character, then write the word on your own.

再	再	再	再	再	再	再	再	再											
造	造	造	造	造	造	造	造	造	造	造	造								
造	造																		